

Bản án số: 182/2024/HS-PT
Ngày: 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiên

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Trường Du

Bà Lê Thị Tố Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 236/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Văn T, sinh ngày 14/6/1994 tại xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn V và bà Đinh Thị Đ; có vợ là Quách Thị H và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 40 phút ngày 11/5/2023, anh Nguyễn Văn C sinh năm 1985, trú tại thôn Q, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 36B3-195.xx lưu thông trên đường Hồ Chí Minh di chuyển theo hướng tỉnh Hòa Bình đi huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Khi đi đến đoạn Km 510+200 thì xe mô tô do anh C điều khiển tự ngã ra đường, người và xe mô tô ngã sang phần đường bên trái theo hướng đi của anh C. Sau khi anh C bị ngã xuống đường, lúc này có ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1966 và con trai của ông T1 là cháu

Nguyễn Văn H1 sinh năm 2006, cùng trú tại thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đi lại gần vị trí anh C ngã. Sau đó, H1 dựng xe mô tô biển số 36B3-195.xx lên, đồng thời ông T1 lại gần để đỡ anh C ngồi dậy, khi anh C đang ngồi dậy thì ngay lúc này có xe mô tô BKS 36E1-453.xx do Bùi Văn T, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa di chuyển theo hướng huyện C, tỉnh Thanh Hóa đi tỉnh Hòa Bình do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ (không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn) nên xe mô tô đã đâm vào người anh C làm anh C, T và xe mô tô BKS 36E1-453.xx bị ngã ra đường. Sau đó, Bùi Văn T điều khiển xe mô tô BKS 36E1-453.xx bỏ chạy khỏi hiện trường. Hậu quả anh C bị thương phải đi điều trị tại các cơ sở y tế.

Quá trình kiểm tra xác minh tin báo và điều tra vụ án, quá trình rà soát, truy xét đối tượng, đến ngày 12/05/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã triệu tập làm việc được với Bùi Văn T. Quá trình khai báo tại Cơ quan điều tra, Bùi Văn T thừa nhận hành vi điều khiển xe mô tô BKS 36E1-453.xx gây tai nạn giao thông đối với anh Nguyễn Văn C, sau khi gây tai nạn giao thông, T điều khiển xe về nhà, sau đó đưa xe mô tô trên đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Quách Văn H2 sinh năm 1993, trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để sửa chữa, thay mới các bộ phận xe bị hư hỏng do vụ tai nạn giao thông gây ra nhằm che dấu, trốn tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng.

* Tại bản kết luận giám định số 2137/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 36B3-195.xx với người hay phương tiện khác.

- Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 36E1-453.xx với phương tiện khác.

- Không đủ cơ sở xác định va chạm giữa xe mô tô biển số 36E1-453.xx với người ông Nguyễn Văn C. Trong trường hợp có va chạm: không đủ cơ sở xác định điểm va chạm đầu tiên; không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm.

- Các vết tỳ trượt bề mặt in các vân (dạng vân vải) tại mặt và má phải lốp trước, cạnh bên phải vành trước, bên phải nan hoa bánh trước và viền đĩa phanh trước, tương ứng từ hàng chữ "POLYESTER" đến đầu hàng số "80/90-17" (theo cùng chiều chuyển động tiến); mặt ngoài ốp nhựa sát phía dưới cánh yếm bên phải, mặt trước ngoài phần trước phía dưới bên phải lốc máy, mặt trước ngoài dưới phanh chân, mặt trước ngoài dưới cốt sắt giá đỡ chân trước bên phải; mặt dưới ngoài ống pô xe mô tô biển số 36E1 - 453.xx (ảnh 14 đến 29) phù hợp do va chạm với chất liệu vải sợi (áo, quần ...) tạo nên.

Không đủ cơ sở xác định mô tô biển số 36E1-453.xx có va chạm với người khác hay không. Trong trường hợp có va chạm: không đủ cơ sở xác định điểm va chạm đầu tiên; không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm.

- Không đủ cơ sở xác định chiều hướng chuyển động, tốc độ của xe mô tô biển số 36E1-453.xx và xe mô tô biển số 36B3-195.xx tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông.

* Tại bản kết luận giám định số 1921/KL-KTHS ngày 23/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Mẫu máu của Bùi Văn T, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa niêm phong gửi giám định không có nồng độ cồn;

- Phòng Kỹ thuật hình sự từ chối giám định chất ma túy trong mẫu máu của Bùi Văn T. Do không đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc giám định.

* Tại bản kết luận giám định số 2264/KL-KTHS ngày 16/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Trên tấm bông gửi đến giám định không tìm thấy dấu vết máu người.

* Tại bản kết luận giám định số 4180/KL-KTHS ngày 17/8/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video gửi giám định.

- Đã làm nét nội dung file video chi tiết thể hiện trong USB kèm theo.

- Không xác định được vị trí va chạm của xe mô tô với nạn nhân Nguyễn Văn C và vị trí nào của xe mô tô va chạm với vị trí nào trên người của nạn nhân.

* Tại bản kết luận giám định số 1379/KLTTCT-PYTH ngày 21/9/2023 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn C tại thời điểm giám định là: 85% (Tám mươi lăm phần trăm).

* Tại bản kết luận giám định số 7459/KL-KTHS ngày 14/12/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Các tổn thương (vỡ ruột non; gãy gai ngang L2, L3, L4 bên trái và L5 bên phải) của anh Nguyễn Văn C do vật tày tác động mạnh, đột ngột gây nên, loại trừ do va đập với mặt đường dải nhựa bằng.

- Không có cơ sở xác định các tổn thương còn lại trên cơ thể của anh Nguyễn Văn C là do anh C điều khiển xe mô tô tự ngã xuống đường hay do xe mô tô BKS 36E1-453.xx đâm va vào người gây nên.

* Tại bản kết luận giám định bổ sung số 116/KLTTCT-PYTH ngày 01/02/2024 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa kết luận:

- Chấn thương bụng kín gây tổn thương vỡ ruột non, lỗ thủng đường kính 2cm ở hồi tràng cách góc hồi manh tràng khoảng 1m; đã được xử trí phẫu thuật cắt đoạn ruột non tổn thương, đưa hai đầu ra làm hậu môn nhân tạo: 46% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 4; mục III; 2.2)

- Chấn thương vùng khung chậu gây tổn thương gãy gai ngang L2, L3, L4 bên trái và L5 bên phải: 30% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 7; mục XII; 4.3).

Kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với các tổn thương vỡ ruột non; gãy gai ngang L2, L3, L4 bên trái và L5 bên phải của anh Nguyễn Văn C tại thời điểm giám định pháp y lần đầu là: 62% (Sáu mươi hai phần trăm).

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 28/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận:

- Giá trị bị thiệt hại của 01 xe mô tô biển số 36B3-195.xx, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS5C63, màu sơn: trắng - đen; số khung: RLCS5C630DY755xxx; số máy: 5C63755xxx, xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 12/8/2013 bị hư hỏng do tai nạn giao thông theo bảng thống kê linh kiện bị hư hỏng gửi kèm hồ sơ định giá tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị là: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);

- Giá trị bị thiệt hại của 01 xe mô tô biển số 36E1-453.xx, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: EXCITER, màu sơn: xanh - bạc; số khung: RLCUG0610GY271xxx; số máy: G3D4E285xxx, xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 19/7/2016 bị hư hỏng do tai nạn giao thông theo bảng thống kê linh kiện bị hư hỏng gửi kèm hồ sơ định giá tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị là: 310.000đ (ba trăm mười nghìn đồng).

Căn cứ các kết luận giám định trên và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được đủ căn cứ xác định: Các tổn thương (vỡ ruột non; gãy gai ngang L2, L3, L4 bên trái và L5 bên phải) của anh Nguyễn Văn C là do Bùi Văn T điều khiển xe mô tô biển số 36E1-453.xx đâm va vào người gây nên với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 62% (Sáu mươi hai phần trăm).

Trong tình huống tai nạn giao thông nói trên, trong điều kiện trời tối, trời mưa, tầm nhìn hạn chế, Bùi Văn T đã không chú ý quan sát nên không phát hiện trước có anh Nguyễn Văn C đang nằm dưới đường, T điều khiển xe mô tô không làm chủ tốc độ (không giảm tốc độ để có thể dừng lại an toàn trong trường hợp tầm nhìn bị hạn chế), nên T đã không điều khiển xe dừng lại an toàn dẫn đến đã va chạm với anh C làm anh C bị thương. Hành vi tham gia giao thông của Bùi Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ; điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; khoản 1, 2, 11 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. Đây là các hành vi vi phạm khác quy định tại khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Những lỗi vi phạm tham gia giao thông nói trên của Bùi Văn T là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông gây hậu quả làm Nguyễn Văn C bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 62% (Sáu mươi hai phần trăm).

Sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông, Bùi Văn T không ở lại hiện trường mà điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường và đi về nhà thuộc thôn N, xã L, huyện

T, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó T không đến cơ quan Công an, Chính quyền địa phương để trình diện. Đến ngày 12/5/2023, T mang xe mô tô BKS 36E1-453.xx đến cửa hàng sửa chữa xe máy để sửa chữa, thay mới các bộ phận bị hư hỏng nhằm che dấu, trốn tránh không để cơ quan chức năng phát hiện. Khi được Cơ quan điều tra phát hiện, triệu tập thì T mới đến cơ quan Công an để làm việc. Tại cơ quan điều tra, T khai báo do sợ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nên sau khi đâm va vào người nạn nhân, T đã bỏ trốn khỏi hiện trường vụ tai nạn giao thông. Hành vi nêu trên của Bùi Văn T có dấu hiệu bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T **39 (Ba mươi chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2024, bị cáo Bùi Văn T kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Văn T xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là giấy biên nhận của Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã L về việc bị cáo nộp tiền ủng hộ làm nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, gia đình có khó khăn về nhà ở và ủng hộ các tỉnh phía Bắc khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ, đơn xin xác nhận về điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, trước khi phạm tội, bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, của địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS: chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo 03(ba) tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 BLTTHS, trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 21h45' ngày 11/5/2023, Bùi Văn T điều khiển xe mô tô BKS 36E1-453.xx lưu thông theo hướng huyện C đi tỉnh Hòa Bình, khi đi đến Km 510+200 thuộc đường mòn Hồ Chí Minh, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ (không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn) dẫn đến va chạm với anh Nguyễn Văn C (trước đó anh C tự ngã xe mô tô đang nằm trên mặt đường) làm anh C bị thương với tỷ lệ thương tích 62% (Sáu mươi hai phần trăm). Sau khi va chạm, T điều khiển xe bỏ chạy nhằm trốn tránh trách nhiệm.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự (BLHS) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy: Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Bị cáo điều khiển xe mô tô không giảm tốc độ trong điều kiện trời mưa tối, không chú ý quan sát khi có chướng ngại vật trên đường nên đã va chạm anh C đang ngã trên đường, hậu quả anh C bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 62%. Sau khi gây tai nạn, bị cáo không tới kiểm tra, giúp đỡ người bị nạn mà bỏ trốn khỏi hiện trường, sau đó còn đưa xe đi sửa chữa, thay mới các bộ phận hư hỏng nhằm ý thức che giấu, trốn tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, đại diện gia đình bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, nên HĐXX sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 39 (ba mươi chín) tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Văn T xuất trình thêm giấy biên nhận của Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã L về việc bị cáo nộp tiền ủng hộ làm nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, gia đình có khó khăn về nhà ở và ủng hộ các tỉnh phía Bắc khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ, đơn xin xác nhận về điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, các con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, trước khi phạm tội, bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, của địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội lần đầu, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm

theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 55/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T **36**(ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60**(sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- CQ CSĐT Công an huyện T;
- CQ THAHS Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu: HS vụ án, tổ HC-TP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Nông Cống;
- CQ CSĐT Công an huyện Nông Cống;
- CQ THAHS Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Nam Tiến